

# Đề Ngày Ấy Lụi Tàn -1-

Trần Minh

Câu chuyện mà tôi kể dưới đây diễn ra trên toàn miền Bắc Việt Nam từ khoảng năm 1965 tới 1972. Trong bấy năm trời đó, hàng triệu người tham gia vào câu chuyện này và là nhân chứng, vậy mà cho tới nay không một báo chí, một truyện ngắn, truyện dài nào nói đến “sự kiện lịch sử” này. Điều này làm cho tôi cứ băn khoăn suy nghĩ trong nhiều năm trời: Tại sao có những sự việc phi lý đến như vậy mà lại có hàng triệu người vui vẻ tuân theo; cho tới bây giờ đang thời kỳ “mở cửa”, tiếp xúc với “Thế giới văn minh” bên ngoài nhưng khi nghe hỏi về sự việc đó thì vẫn có rất nhiều người đồng tình với nó và cho đó là đúng, là hợp lý. Trong các truyện ngắn nổi tiếng của văn hào Đan Mạch Andersen, có câu chuyện về ông vua cởi truồng, ông ta bị lũ thợ may bịp bợm, tán tỉnh sẽ may cho ông một bộ quần áo cực kỳ “độc nhất vô nhị”, khi chúng đưa ông ra diễu phố, mọi thần dân nịnh bợ cũng trầm trồ tán theo chúng:

- Trời, bộ quần áo của Hoàng Đế cực kỳ đẹp, oai phong... từ trước tới nay không ai có.

Thực ra thì ông ta đang cởi truồng. Đến khi có một em bé hét lên:

- Nhìn kìa, Hoàng đế cởi truồng!

thì mọi người mới dụi mắt, xì xào, rồi tiếng xì xào ngày càng lớn:

- Ô đúng rồi, Hoàng đế cởi truồng.

Câu chuyện đó ai cũng hiểu rằng đó chỉ là ngụ ngôn nhưng trong thực tế có những sự việc giống y như truyện ngụ ngôn “Ông vua ở truồng” kể trên, câu chuyện ngụ ngôn có thật tôi kể dưới đây có tên là: **“CÂU TRUYỆN VỀ CHIẾC MŨ RƠM”**.

Năm 1965 cả gia đình tôi theo trường học mà bố tôi đang làm giáo viên đi sơ tán về một vùng quê thuộc huyện Tân Yên - tỉnh Hà Bắc. Trước đó cha tôi dạy vật lý và hoá học ở khoa sinh vật trường Đại học tổng hợp Hà Nội (từ 1955 tới 1964). Trong những năm 1960 tới lúc đó có nhiều cán bộ giảng dạy và nghiên cứu được đào tạo tại Liên Xô và Trung Quốc trở về nước để nhận “trọng trách” cải cách nền giáo dục Việt Nam. Số cán bộ mới này hầu hết là đảng viên cộng sản. Họ bắt đầu dấy lên phong trào chỉnh huấn để “tẩy nã” những người như cha tôi mà họ gọi là “trí thức lưu dung”. Ngoài giờ lên lớp giảng dạy và hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, những “trí thức lưu dung” phải học chính trị - triết học Mác-Lênin và phải học tiếng Nga, phải học lại giáo trình cơ bản của khoa học Xô-viết, về nội dung đại cương thì nó cũng không khác gì lắm với khoa học phương Tây, chỉ có điều phải thay tên một số công thức - định luật của các khoa học gia Anh-Pháp-Đức bằng tên các khoa học gia Nga hoặc Xô viết như Lomonosov, Mendeleev, Sionkovski, Kurchatov, v.v... Chiến dịch cứ thế phát triển đến mức độ những người học tập phải viết “kiểm điểm” thừa nhận một số kiến thức và suy nghĩ của mình là tàn dư thói nát, lạc hậu của chủ nghĩa đế quốc thực dân: “Sự tiến bộ và sức mạnh của bọn chúng chỉ là con hổ giấy”.

Họ hạn chế số giờ lên lớp của những “trí thức lưu dung” đang học tập cải tạo tư tưởng đó. Thấy không khí quá căng thẳng, cha tôi đã làm đơn xin về giảng dạy tại một trường trung học cấp 3 (lớp 8 đến lớp 10, trong hệ học phổ thông 10 năm thời kỳ đó). Đơn được chuẩn y và cha tôi được điều về dạy môn vật lý và hoá học ở trường phổ thông cấp 3 Lý Thường Kiệt. Trường này vốn nằm ở phố Lý Thường Kiệt, Hà Nội; thời Pháp nó vốn là một nhà tu kín liền với bệnh viện, nhưng sau 1954 nó được Nhà nước trưng thu để trở thành trường học. Sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ, chiếc máy bay đầu tiên của Mỹ bị bắn rơi ở Bắc Việt Nam, phi công Aves bị bắt sống, thì tình hình ngày càng căng thẳng. Mọi người dân miền Bắc được học tập, phổ biến rằng:

*“Đế quốc Mỹ đã leo thang chiến tranh miền Bắc... toàn dân phải tham gia chống Mỹ cứu nước... đi sơ tán cũng chính là chống Mỹ cứu nước của các em học sinh và thầy cô giáo”.*

Trường mà cha tôi mới được chuyển về đó đi “sơ tán” ở vùng Tân Yên - Hà Bắc. Cha tôi chấp hành “chủ trương sơ tán của Đảng và Chính phủ” rất triệt để: đưa cả gia đình, gồm vợ và ba đứa con trai đi sơ tán cùng với nhà trường. Đó là một vùng quê rất đẹp, yên ả... có ruộng lúa nước, có một quả đồi lớn mà người ta trồng dứa và sắn trên đó. Dưới quả đồi là một con sông gọi là Sông Máng (vì từ thời Pháp thuộc nó được cải tạo, nạo vét và nằm trong hệ thống tưới tiêu thủy lợi), chúng tôi hay ra tắm ở con sông này vào những chiều mùa hè nóng nực. Mỗi làng của tỉnh Hà Bắc trước đây đều có một tổng thể kiến trúc: đình - đền - chùa. Ngôi làng mà chúng tôi ở trước đây cũng vậy, những ngôi đình làng đ. bị phá thời cải cách ruộng đất, dân làng kể lại trước đây vùng này có nhiều cường hào, ác bá. Đình làng đã từng chứng kiến biết bao cảnh bắt sưu thuế, biết bao cuộc bắt vạ “dân lành” phạm tội như: chữa hoang, rượu lậu, công nợ... và các cuộc đình đám, sóc vọng của lớp quan viên, phú ông; cho nên trong cuộc đấu tố địa chủ, cường hào, ác bá của đợt “cải cách

ruộng đất” lần thứ hai, đình làng là nơi tổ đấu. Trong cơn giận phùng chưa hả sau cuộc tổ đấu địa chủ, một số bần nông cốt cán đã phá phẳng cái đình ấy đi... họ chia nhau các cột, kèo, cửa... bằng gỗ lim. Còn một số đồ thờ tự thì phá làm củi, các đồ đồng và sứ gốm thì chia cho các gia đình nghèo đem về nhà dùng.

Sau khi tháo dỡ cái đình, người ta dùng lại một số gạch cũ của nó xây cái bằng tin hợp tác xã. Thịnh thoảng một số nhà thơ xóm nổi thi hứng bút tre viết sáng tác bằng phấn lên cái bằng đen. Ví dụ, một bài thơ đả kích thói gia trưởng của đàn ông:

*Ngày xưa cưới được tôi anh cũng ăn hỏi, cỗ bàn đình đám,  
còn “bây giờ tôi đã năm con anh chê anh chửi là con gái già  
ức hiếp phụ nữ đàn bà  
con lợn cũng tiếc con gà cũng thương.*

Dân làng kể rằng một số người được hưởng lợi từ cuộc cải cách ruộng đất này, trong đó nổi tiếng nhất là ông Thơi. Bố mẹ ông Thơi bị quy là thành phần địa chủ **tuy họ chỉ có hơn một mẫu ruộng**. Họ chăm chỉ cày sâu cuốc bẫm, cũng như dân làng, đến nửa năm họ cũng ăn cơm độn khoai, sắn. Khi cấy hoặc mùa gặt, bí lắm thì thuê một hai công nhật. Căn cơ trong nhiều năm họ cất được một căn nhà xây một tầng, hai gian ba trái. Họ có bốn người con, ba gái một trai. Thơi là con trai duy nhất. Vì thân phận độc đinh, nỗi dối tông đường nên Thơi được cả nhà nuông chiều không phải lam lũ bán mặt cho đất bán lưng cho trời như các chị em. Anh ta đi học được vài năm, đủ trình độ để đọc được các thông báo treo ở sân đình và ký tên ở các giấy tờ.

Thơi có một đam mê là cờ bạc: Biết chơi các loại bài bạc, cao cấp thì tổ tôm, chắn... bình dân thì là các loại trên cỗ bài Tú lơ khơ. Anh chê Tam cúc là loại dành cho đàn bà trẻ con đánh vui cò con mấy ngày tết. Cha mẹ Thơi trách mắng anh nhiều lần, dọa đuổi anh khỏi nhà mỗi khi phải trả nợ thay cho anh.

Khi đội cải cách ruộng đất về làng, họ theo chỉ tiêu cấp trên giao, chọn ra bốn gia đình để quy địa chủ, trong đó có gia đình Thơi. Tại buổi dân làng tụ họp ở sân đình tổ đấu địa chủ, anh đứng lên phát biểu tố cha mẹ mình là “bóc lột”, là “giai cấp ngồi mát ăn bát vàng”... Có người nói rằng anh được cán bộ cải cách mớm lời với hứa hẹn được thưởng công là sẽ hưởng gia sản của cha mẹ sau khi bị tịch thu. Nhưng Thơi không hề được hưởng, ruộng đất và con trâu nhà anh bị sung công, ngôi nhà bị chia cho một hộ bần nông.

Vì quá đau buồn và lao động vất vả thời gian sau đó, đói khát nên cha mẹ Thơi qua đời. Bốn chị em Thơi bỏ làng tha hương cầu thực. Thời kỳ sau đó khi gia đình tôi sơ tán ở đây là giai đoạn hợp tác hoá nông thôn. Trên nền cũ của đình, bây giờ là một sân gạch lớn. Ngôi đình sau đó được sửa chữa lại làm nhà kho chứa thóc của hợp tác xã. Lũ trẻ con chúng tôi thường ra chạy nhảy ở cái sân này. Tuy thế, ở một góc sân vẫn còn tồn tại một ngôi chùa nhỏ. Cửa chùa thường đóng im ỉm, giữ chùa là một bà mẹ già, chúng tôi thường thấy bà quét lá ở quanh chùa đêm về đụn, không biết bà sống bằng gì, nhưng chắc đời sống cũng nghèo khổ, eo hẹp lắm, vì thường thấy bà đi mót lúa, mót khoai. Những năm đó rất ít người lên chùa lễ bái, kể cả ngày rằm - mừng một... vì “lễ chùa” là biểu hiện của mê tín dị đoan, tàn dư của phong kiến, đế quốc, nên ai cũng sợ. Hơn nữa, nhà chùa cũng nhận được “lệnh ngầm” của chính quyền địa phương phải đóng cửa trong thời gian này.



Vùng này có một phong cảnh độc đáo đó là một gò đất nhỏ nằm giữa cánh đồng lúa rộng mênh mông. Giữa đỉnh gò là một cây ngô đồng, sát cạnh cây ngô đồng là một cái miếu nhỏ: Trong cái hốc tối tăm của nó chỉ có độc một cái bát hương, chắc bạn nghĩ cây ngô đồng là loại cây nhỏ bé mảnh khảnh như cây ngô ở ngoài đồng chứ gì? Không đâu, tôi không biết do đâu mà người ta gọi nó là “ngô đồng”, chứ thực ra nó là loại cây thân có tán rộng cao phải tới 10-12 mét. Tầm trưa, bà con nông dân nghỉ tay tập trung về cái gò này để ăn cơm và nghỉ trưa dưới bóng mát của cây ngô đồng. Có khối câu chuyện đùa nghịch dí dỏm giữa bên nam và bên nữ diễn ra ở đây trong những lúc nghỉ trưa như thế... có một bài hát quan họ chắc lấy cảm hứng, thi vị từ cây cổ thụ trên những cái gò dốc như vậy ở giữa cánh đồng:

*“Trèo lên quăng dốc tới gốc ối a cây đa...”*

*Cây ngô đồng*

Năm 1968 trong cao trào đập phá các đình - chùa - miếu mạo, dân quân của làng đã chặt đổ cây ngô đồng

và phá cái miếu nhỏ ấy đi... từ đó hết bóng mát và không còn ai tới nghỉ trưa trên cái gò ấy nữa.

Ở chỗ ngã ba từ đường đê rẽ vào làng có một cây đa rất to. Không biết nó đã bao nhiêu tuổi nhưng cành lá của nó xum xuê lắm, có một số rễ to bằng bắp tay chầy từ trên cành xuống đất rồi cắm sâu vào lòng đất. Lũ trẻ chúng tôi thường chơi đánh đu, leo trèo với những cái rễ đa này. Người ta gọi cây đa này là cây đa “Trời ơi”, cái tên nghe cũng kỳ lạ nếu không được các cụ phụ lão giải thích:

Ngày trước vùng này hay có cướp đường vào ban đêm, chúng phục ở cây đa này để cướp những người đi chợ về muộn, những khách đi tàu hỏa xuống ga Sen Hồ rồi đi bộ hay xe ngựa theo đường đê về Việt Yên, Nhã Nam... thỉnh thoảng giữa đêm người ta nghe thấy tiếng hét “Trời ơi” thất thanh... thì cũng biết là lại có nạn nhân bị cướp ở chỗ cây đa đó rồi. Đến lúc cùng đường, con người ta gọi tên Thượng đế để mong Ngài cứu giúp chẳng? Dân làng xây cái miếu nhỏ để thi thoảng cúng tế các oan hồn bị cướp giết ở đây - mà theo như các cụ kể lại thì sau đó, đều bị ném trôi sông - trong các dịp lễ xá tội vong nhân, cuối năm... Trong đầu óc thơ bé của tôi, khu vực này có một cái g. rất thần bí, đáng sợ... đặc biệt về đêm. Ban đêm không bao giờ lũ trẻ chúng tôi dám bén mảng tới khu vực này, kể cả những đêm trăng sáng.

Ở khu vực ngã ba đường này có một quả đồi lớn gọi là đồi Bói. Gần đỉnh đồi có một cái nhà tranh lớn, đó là gia đình lão Củ. Lão sống ở đây từ 1956, khi đó đồi Bói là một quả đồi hoang đầy cỏ dại, năm này qua năm khác hai vợ chồng lão khai phá quả đồi này trồng dưa và sắn. Khi gia đình tôi sơ tán về làng này thì cả quả đồi đã xanh tốt: Phần đất phủ đầy được trồng sắn, phần sỏi đá lỏn nhổn thì trồng dưa. Vợ lão Củ lúc này đã chết, lão sống với đứa con trai duy nhất khoảng 7-8 tuổi. Cha tôi nó rằng nó bị bệnh bại não thể nhẹ.

Lão Củ là một người cao lớn, trạc 45 tuổi, tóc đen nhánh và quần tít mắt lồi. Lão bị mất phần dái tai bên trái và cụt hai đốt ngón tay trở bên phải, hai răng cửa hàm trên bị vàng, mỗi khi lão cười cứ loé lên lấp lánh, trông càng ghê. Lão hay uống rượu lúc chiều tối nhưng chưa hề say đến mức quậy phá bao giờ. Lão tự nấu lấy rượu cất từ sắn do lão trồng. Dân làng đồn rằng trước đây lão làm nghề ăn cướp ở ngã ba này, nhưng lão lại bảo trước đây lão làm nghề mổ lợn, rồi có thời gian tham gia du kích đánh Pháp. Lão có giấy chứng nhận là cha liệt sĩ. Chính vì tấm bằng “gia đình liệt sĩ” đó mà lão từ chối không gia nhập hợp tác xã với lý do lão đã có tuổi, không thể cùng làm việc theo công điểm như cánh trẻ được, lão lại chỉ quen trồng sắn, trồng dưa và chăn nuôi lợn gà, chứ không biết làm ruộng lúa... lão cũng đã bị phê bình mấy lần ở Đại hội xã viên của làng, nhưng rồi người ta cũng mặc kệ, không đả động gì đến lão nữa.

Không hiểu sao, tôi rất sợ lão Củ, cúng giống như hầu hết trẻ con trong làng. Trong con mắt chúng tôi, lão Củ thực sự đ. là một tên cướp, đ. từng cắt cổ và ném xác người ta xuống con sông Máng, đêm đêm uống rượu say lão vẫn tiếp xúc với ma quỷ ở chỗ cây đa “Trời ơi” và... . thỉnh thoảng lão vẫn ra ngồi ở đó hóng gió về đêm. Cứ thấy bóng lão khệnh khạng trên đường làng từ phía xa, là chúng tôi vội vã linh đi hết. Có lần mãi chơi, không để ý lão từ phía sau đi đến. Bọn trẻ chơi với tôi ngược lên thấy lão, hét lên ù té chạy, chỉ còn trơ lại mình tôi, lão bế thốc tôi lên, cọ râu vào má tôi, một tay mân mê hai hòn dái tôi, cười khà khà:

- À, con trai ông giáo Hưng đấy hả, người Hà Nội đấy hả... việc gì mà phải sợ tao thế, hôm nào sang nhà tao chơi, cháu nhé.

Tôi sợ gần như sắp ngất đi trong vòng tay cứng như sắt của lão. Lão vừa đặt tôi xuống đất, tôi chạy ù về nhà, gục đầu vào gối khóc nức nở.

Lão Củ có một thằng con trai, gọi là thằng Lì, không biết tên khai sinh của nó là gì, vì nó không đi học. Nó chỉ quanh quẩn ở nhà giúp bố trông trọt và chăn nuôi. Trái ngược với bố nó, nó gầy bé và nhút nhát. Nó không chơi bời gì với bọn trẻ trong làng. Mười bảy năm sau tôi trở lại thăm làng này, tôi đã gặp lại lão Củ - lão đã trở thành một ông già gầy guộc, lấm lấm. Tôi chào lão và tự giới thiệu, lão không còn nhận ra tôi. Thật lạ, sao dạo đó tôi thấy lão dễ sợ đến thế nhỉ... Con người biến đổi nhanh quá!

Trong làng còn có một gia đình “dị biệt” nữa đó là gia đình ông Lừ. Gia đình này, giống như lão Củ, không gia nhập hợp tác xã. Ông Lừ lưng gù gập như thước thợ, từ lúc bé ông đã bị như vậy, nên ông không thể cày cuốc như mọi dân làng. Nhưng trời phú cho ông có đôi tay đan lát rất khéo, nên ông kiếm sống bằng nghề đan thúng, mẹt, rổ, rá... Các sản phẩm này của ông đều đẹp, bền nên được cả làng và cả chợ Ngọc Thận tín nhiệm đặt mua, ông còn đan được cả thuyền thúng nên thỉnh thoảng dân chài lưới đến đặt ông làm thuyền cho họ. Ông hiền lành, ít nói, chăm làm và sống tử tế, mực thước nên được cả làng quý. Ba năm trước, lúc đó ông khoảng 40 tuổi, ông gặp một “bước ngoặt cuộc đời”, đó là gặp cô Lài, vợ ông bây giờ. Câu chuyện như sau:

Một hôm ông được mời đi ăn đám ở một làng cách làng này khoảng 3 km, ở nhà một người anh con chú con bác gì đó. Tại bữa rượu, ông được bà chị dâu họ giới thiệu với cô Lài. Cô này lại là người chị em con dì con già với bà này, cô Lài vừa mới sinh một đứa con gái cách đây hai tháng, mà cô lại không có chồng. Những năm đó các cô gái mắc “tội trạng” này không còn bị gọt đầu, bôi vôi, rong đi khắp làng như ngày xưa, nhưng bị đưa ra đại hội xã viên kiểm điểm ghê gớm lắm. Gia đình cha mẹ cô cũng bị kiểm điểm, do không quản lý được con gái. Trẻ con trong làng thường la hét chế giễu, nhất là từ tháng thứ năm thứ sáu trở đi, vì lúc đó cái bụng đã lùm lùm, “*chửa hoang hoẵng chửa*” hay “*không chồng mà chửa mới ngoan, có chồng mà chửa thể gian bảo thường!*”

Cô Lài khá xinh đẹp, da trắng, mắt lá rằm, hay nhìn xuống, ngực nở nang, thắt đáy lưng ong... nên sự châm chọc càng thêm ác độc, nhưng cô không hề khai ra ai là tác giả của cái bầu. Đến khi cô sinh con, những tưởng sự đả kích dịu đi, nhưng nó vẫn dai dẳng theo hướng: Trông con bé nó giống ông A, giống ông B, giống anh X đi bộ đội năm ngoái v.v... Cha mẹ cô không chịu đựng được sự chế giễu dai dẳng nên có ý định đuổi mẹ con cô ra khỏi nhà, muốn đi đâu thì đi cho khuất mắt. Nếu vậy cô chỉ còn có nước bế con đi ăn mày. Giữa lúc này thì một bà chị em họ của cô nghĩ ra một giải pháp tuyệt vời đó là giới thiệu cho cô lấy ông Lừ gù. Lúc này hầu hết trai làng phải nhập ngũ, lớp trung niên, già cả thì đã con cháu dùm dề, chế độ bây giờ lại nghiêm cấm lấy vợ lẽ... vậy thì lấy được ông Lừ là “giải pháp tối ưu” cho cô rồi, vợ chồng bà này nghĩ vậy, rồi thì nghĩ sao làm vậy. Nhân có bữa giỗ cụ tổ, họ mời ông Lừ sang dự. Mọi việc diễn ra êm đẹp đúng như họ dự tính: Ông Lừ chấp nhận lấy cô Lài: “được cả bò lẫn bê” còn gì nữa... rồi sau đó cũng ra uỷ ban xã làm đăng ký kết hôn, cũng có năm bầy mâm tổ chức “liên hoan” ở nhà ông Lừ, mời họ hàng hai bên. Sau đó cô Lài bế con về nhà ông Lừ ở hẳn.

Khi tôi ở đó thì “gia thất” của ông Lừ đã yên ấm được gần ba năm trời. Cô Lài không sinh thêm được đứa con nào. Hàng ngày cô chỉ lo cơm nước cho cái gia đình ba người của cô, rồi việc cô công con đi chơi. Sáng nào ông Lừ cũng đưa cô hai hào để hai mẹ con mua hai cái bánh chưng ăn sáng, còn lại mua kẹo hay bánh đa ăn vặt trong ngày... con ông thì chỉ ăn sáng bằng bát cơm nguội còn sót lại của bữa tối hôm trước, củ khoai luộc hay bắp ngô là đủ. Cô Lài ngày càng phây phây làm cho dân làng xì xào:

- Lão Lừ bị di tinh hay lãnh tinh hay sao mà con này chẳng chửa đẻ gì...

hay

- Khéo lão ấy gù nên cũng bị liệt dương luôn, chứ vợ như thế mà chẳng đẻ đái gì thì kể cũng lạ...

Một sáng khi lũ trẻ chúng tôi đang chơi đánh khang thì một đứa nhóc chạy ào tới, vừa thở hổn hển:

- Theo tao, xem cái này hay lắm.

Chúng tôi đi lên đồi tới nhà lão Củ. Gần đến nơi, thằng dẫn đường nói:

- Im lặng nhé, lão thấy động lão ra đánh chết.

Nhà lão Củ, như hầu hết các nhà trong làng, là nhà lợp mái rơm vách đất. Nhìn qua liếp cửa bằng tre đan, chúng tôi thấy lão Củ và cô Lài trần truồng ôm nhau trên chiếc giường tre “loan ôm lấy phượng, phượng bồng lấy loan”. Rồi chúng tôi nghe tiếng nói:

- Khiếp, khoẻ thế, vừa xong giờ lại muốn làm nữa.

- Ủ, dái còn săn thì còn thích, này của thằng chồng em, thì thế nào?

- Hòn dái bé như hòn bi, của anh thì bằng quả trứng gà... Cái cu thì bằng đót ngón tay, chưa bao giờ vào được... Lúc chơi thì toàn ngồi lên bụng chứ không nằm được... Ngủ với lão ấy em thấy tởm lão lắm.

Sau này, tôi nghe dân làng nói cô Lài vẫn không bỏ ông Lừ. Cô sinh hai đứa con giống lão Củ “như đúc như đàn”. Cô vứt ba đứa con lại cho ông Lừ nuôi bỏ làng đi biệt tích. Ông Lừ rau cháo chỉ nuôi được đứa lớn, hai đứa bé lần lượt chết yểu vì đói cơm khát sữa. Anh em tôi cũng đã hoà nhập vào cuộc sống nông thôn ở làng này. Sáng sáng xách túi đi học, buổi chiều học bài một chút rồi chạy chơi cùng lũ trẻ trâu. Đời sống lúc đó rất thiếu thốn, đêm thấp sáng bằng đèn dầu hoả còn phải hạn chế; vì chúng tôi có hộ khẩu ở Hà Nội nên được chế độ cung cấp tem phiếu, đại khái như sau:

- một đứa bé hoặc một người già được từ 5-13 kg lương thực một tháng gồm có: gạo, bột mì, ngô hạt; 300 gr đường / tháng. 300 gr thịt hoặc mỡ / tháng, 4m<sup>2</sup> vải / năm.

- Làm cán bộ hoặc công nhân th. có hơn một chút. 15-17 kg lương thực, 500 gr đường và 500 gr thịt hoặc mỡ / tháng, 5 mét vải / năm.

Do đó lúc nào chúng tôi cũng cảm thấy đói, quần áo thì rách rưới tả tơi, vá chằng vá đụp... cho đến khi tốt nghiệp đại học ở cuối năm 1978, có một chiếc áo sơ mi trắng tinh, một quần kaki màu thẫm vẫn còn là mơ

ước của tôi. Thỉnh thoảng, những trưa hè nắng gắt, tôi theo bọn trẻ trong làng đi bắt cá nắng. Do nước ở ruộng bị ánh nắng đốt nóng nên lũ cua, tôm, cá... chui hết vào các hốc ở bờ ruộng. Chúng tôi búng rá ở bên ngoài, thò tay vào trong hốc lùa lũ cua, cá, tôm tránh nắng này nhảy ra, rơi vào rá. Đi một lúc buổi trưa, có hôm tôi bắt được đầy một rá cua, tôm, cá... chiều hôm đó và cả ngày hôm sau gia đình tôi có một bữa ăn tươi.

Đó là mấy lời tản mạn mô tả cuộc sống và môi trường xã hội của cái làng mà gia đình tôi đi sơ tán trong năm 1965-1966, bây giờ trên bối cảnh đó, tôi đưa các bạn quay lại với câu chuyện về chiếc mũ rơm.

Sau sự kiện vịnh Bắc bộ, máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá một số vùng ở Bắc Việt Nam, không khí lúc này đã khẩn trương và sôi sục lắm. Khắp nơi hợp hành phổ biến tình hình mới. Nam thanh niên nô nức tòng quân hưởng ứng phong trào “Ba sẵn sàng”, phụ nữ ở nhà thì phải tham gia phong trào “Ba đảm đang”, mà nhiều người không biết được nội dung của cái khẩu hiệu đó là gì... Họ chỉ biết rằng bây giờ họ phải xa chồng, xa người yêu, xa con... và họ phải làm thay đàn ông trong các công việc như: cày, bừa, gặt, v.v... họ còn phải tham gia dân quân tự vệ. Tập lãn lê bò toài, bắn súng, mỗi khi nghe thấy tiếng máy bay phản lực ở trên trời, họ vơ lấy khẩu súng trường, chạy bổ ra bụi tre, chĩa súng lên trời bắn đi đòm, khắp nơi đào hầm trú ẩn bom Mỹ. Thời gian này chính quyền địa phương phổ biến một mệnh lệnh, mọi người khi ra ngoài đều phải đội mũ rơm để tránh mảnh đạn từ trên trời rơi xuống. Đây cũng là một hành động góp phần vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Có hai kiểu mũ rơm, một kiểu có vành như mũ sombrero của dân Nam Mỹ, được bên bằng loại rơm nhỏ lấy ở phần trên của cây lúa. Nó dày khoảng 1-2 cm, trông cũng hơi “mảnh mai điệu dàng” một tí nên được mọi người ưa dùng hơn. Kiểu thứ hai không có vành, lùm lùm như cái mũ sắt, được bện từ loại rơm thô lấy ở phần dưới của cây lúa (người ta gọi là rạ). Nó dày gấp đôi gấp ba kiểu thứ nhất. Vừa thô kệch, vừa nặng nề nên người ta gọi nó là “rơm cối”, để phân biệt với loại kia gọi là “rơm vành” nên ít người thích mang. Tuy rằng theo cảm tính th. nó phải có tác dụng chống mảnh đạn, mảnh bom gấp hai ba lần loại “sombrero” kia.

L

úc mới có lệnh phải đội mũ rơm, ai ai cũng nô nức đan/bện mũ nhưng không phải ai ai cũng thành công. Những nhà nông quen việc đan lát th. dễ thôi, chỉ vài tiếng hoặc cùng lắm nửa ngày là họ đã làm xong một chiếc mũ khá chắc chắn; xong với những học sinh thành phố và các giáo viên như cha tôi thì cả ngày cũng chưa bện xong một chiếc, mà có xong thì cũng xộc xệch méo mó chẳng ra hình thù gì. Do đó những người này phải nhờ những tay “chuyên nghiệp” bện giúp.

- Bác bện giúp tôi mấy cái mũ cho tôi và các cháu... Vâng, tôi xin biếu bác...  
Như vậy là ngay từ thuở ban đầu, ở cái mũ rơm đã hình thành quy luật “cung-cầu” muôn thuở.

- Nghe nói ông Lừ gù bện nhanh và đẹp lắm mà ạ, đây cái mũ này tao nhờ ông ấy làm đây này, chỉ có...

Chỉ trong có vài ngày đã nổi lên hai “lò” chuyên sản xuất mũ rơm là “lò” lão Củ và “lò” ông Lừ gù, đó là nguồn “cung”, còn “cầu” thì đa số là mấy trăm thầy trò của trường phổ thông Lý Thường Kiệt về ở đây “sơ tán chống Mỹ cứu nước. Nguồn “cầu” thì khá cấp bách, nếu không có mũ rơm đội đến lớp thì bị phê bình là không nghiêm túc chấp hành chủ trương, là chủ quan khinh địch, nhớ “mất trốc như nhỡi” (mất đầu như chơi - tiếng xứ Nghệ) thì sao? Cho nên có chiếc mũ rơm “phòng vệ” ta cũng yên tâm đi!

Có một điều phiền toái cho người sử dụng là do chất liệu là rơm, cho nên cả hai loại mũ này rất chóng “quá đất”, đặc biệt là khi gặp trời mưa nó cứ rã ra. Cái loại “rơm cối” khi đội vừa nặng, vừa ngứa đầu, trông lại “cứ như dờ hơi thể nào ấy”... Như vậy ngay từ đầu, cái mũ rơm đã phải hứng chịu sự phê bình khá gay gắt nhưng lại không phải là “chính thống”. Dư luận chính thống là “phải đội mũ rơm để tránh mảnh bom mảnh đạn, là góp phần chống Mỹ cứu nước”, do đó cái mũ rơm vẫn được tồn tại và tôn vinh - mà đa số là anh “rơm vành” (sombrero).

Có một bài hát rất phổ biến trong những năm đó, được học sinh từ phổ thông đến đại học hát trong thời gian giải lao giữa các tiết học, lời của nó như sau:

*“Mảnh đạn rơi, không sao, không sao, em có mũ rơm.  
Trường em vẫn đông vui như xưa, vẫn hoà lời ca.  
Máy bay rơi, bắt phi công, cả trường vui sao.  
Chiếc mũ rơm khoác trên vai, vẫn đi học đều”.*

Cha tôi ngay khi nghe nói về chủ trương “*người người đội mũ rơm, nhà nhà có mũ rơm*” thì đã hoài nghi và phản đối. Người nói với mẹ tôi:

- Đến chết mất, ba thằng con nhà mình và cả tôi là bốn, thế là phải có bốn cái mũ rơm. Một tháng phải mua mấy lần mũ rơm thì lấy tiền đâu ra?...”.

Lời “*tiên đoán*” của cha tôi sau này đã tỏ ra xác thực. Vì gặp mưa, vì dễ quên, vì chơi đùa bị làm bẹp, vì bị mất v.v... nên mỗi đứa chúng tôi mỗi tháng phải mua mấy lần sắm mũ rơm. Thật là một kinh phí đáng kể giáng lên đầu cha mẹ chúng tôi!

Có hai người phát lên từ nghề sản xuất mũ rơm đó là lão Củ và ông Lừ gù. Lão Củ từ nay chệnh mảng việc trồng sắn, trồng dứa. Lão bán quyền sử dụng đất một phần đồi cho bố tôi, để gia đình tôi “*tăng gia*” trồng sắn trên đó, “*cải thiện tình trạng lương thực*” của gia đình. Đó là hai “*lò*” chuyên mũ rơm! Ông Lừ thì thôi đan rổ, rá, rế... để chuyên bện mũ rơm theo “*hợp đồng*”.

Bố tôi thường “*đặt hàng*” ông Lừ. Vừa vào đến sân nhà ông, bố tôi cười nói:

- Chào ông Bé Văn Lừ, ông cho tôi hai cái “*rơm vành*” nhé, mai lấy được không? Ông đo đầu cho hai thằng này... đó, được rồi.

Trên đường về, tôi hỏi bố tôi:

- Tại sao bố lại gọi ông ấy là Bé Văn Lừ?
- À, bố gọi cho vui, ông ấy cũng thích cái tên ấy nên cười tít cả mắt. Bé Văn Lừ là anh Bé Văn Đàn, “*anh hùng lầy thân làm giá sừng*”. Ông Lừ thì là “*anh hùng bện mũ rơm bây giờ*”.

Nhiều năm về sau chúng tôi hay nhắc những câu truyện đùa về “*anh hùng Lừ*” lưng gù gập, lại có cô vợ trẻ đẹp... như một kỷ niệm vui vui của thời “*chống Mỹ cứu nước*”.

Mới được hai tuần lễ mà chiếc mũ rơm đã trở thành một nan đề của gia đình chúng tôi.

Một tối, ông hiệu phó tới chơi nhà chúng tôi. Ông này trước đã tốt nghiệp trường Trung học Anbe Sarô, sau 1954 học đại học sư phạm. Ông biết tiếng Pháp, tính tình điềm đạm, khiêm tốn chứ không hung hăng, bậm trợn như mấy thầy cô xuất thân là học sinh trong chiến khu. Tôi nghe bố tôi nói:

- Nhà tôi gay quá, cứ phải mua mũ rơm luôn, anh tính... tiền ăn còn eo hẹp mà lại phải chi vào cái việc vớ vẩn này thì vô lý quá.
- Nhưng nhà nước bắt thế, đã có chủ trương từ Trung ương, mình phải theo... chứ tôi cũng ngán lắm...
- Anh thừa biết rằng nếu chẳng may có mảnh đạn, chứ chưa nói đến mảnh bom, mà rơi trúng đầu thì có đến mười cái mũ rơm ấy nó cũng xuyên qua như chơi. Không tin anh cứ đội cái mũ rơm ấy để tôi đứng ở trên cao khoảng 20m ném một hòn sỏi xuống đầu anh, để anh có cảm giác sao... ?

Ông hiệu phó phá lên cười.

Hôm sau, chắc nghĩ rằng ông hiệu phó đã “*ngâm đồng tình*” với mình, bố tôi nói với chúng tôi:

- Từ hôm nay, các con không cần phải mang mũ rơm đi học nữa. Nếu cô giáo có hỏi, cứ nói bố cháu bảo nếu mà chẳng may có mảnh đạn rơi trúng đầu thì mũ sắt cũng chưa chắc đã giữ được cái đầu chứ đừng nói là mũ rơm... nói với cô ấy là bố đã là giáo sư dạy vật lý - hoá ở Đại học Tổng hợp và bây giờ cũng đang dạy lý - hoá ở trường cấp 3 này đây.

Bắt đầu từ hôm đó, ba anh em chúng tôi không đội mũ rơm đi học nữa. Và quả nhiên trong vòng mấy hôm, cả ba chúng tôi đều được các thầy cô giáo nhắc nhở phải mang mũ rơm, chúng tôi nói lại lời bố tôi cho phép chúng tôi không mang mũ rơm. Các thầy cô giáo làng rất ngạc nhiên, họ đe dọa sẽ đuổi học anh em chúng tôi nếu không chấp hành.

Mấy hôm này, lại có lệnh là không chỉ đội mũ rơm, mà mỗi người còn phải đeo thêm một cái nùn rơm tròn ở sau lưng để tránh mảnh đạn, mảnh bom “*roi xiên*” và phải đeo một túi cứu thương nhỏ trong đó có bông, băng, thuốc đỏ... để tự cấp cứu khi bị thương hoặc băng bó cho người khác. Cho nên việc cha con tôi không mang mũ rơm, nùn rơm là một biểu hiện chống đối rất nghiêm trọng. Bố tôi được ông hiệu trưởng gọi đến để chất vấn về việc này.

Bố tôi giải thích rằng xác suất mảnh đạn từ trên trời rơi xuống trúng được vào đầu là rất hiếm, còn nếu như đã rơi trúng người thì cái mũ rơm/nùn rơm đó không hề ngăn giữ được. Còn bom nổ trên mặt đất thì mảnh của nó / sức ép của nó còn mạnh hơn nữa. Bố tôi cũng nêu ra cái sự tốn kém, bất tiện của việc mang những “*cái của bằng rơm*” ấy. Ông hiệu trưởng nổi cáu và yêu cầu bố tôi chứng minh bằng các định luật, các công thức

vật lý học cho cái quan hệ giữa mảnh bom/mảnh đạn với cái mũ rơm/nùn rơm ấy. Bố tôi đã đưa ra các công thức, định luật trong sách giáo khoa để chứng minh. Ông kia nói:

- Ấy là về lý thuyết, còn thực tế chưa chắc đúng, và lại đây là một chủ trương từ Trung ương, chúng ta chỉ có chấp hành. Đeo các thứ ấy có hơi phiền một tí nhưng đề cao tinh thần cảnh giác máy bay địch thì cũng vẫn tốt.

Cha tôi ậm ừ rồi ra vẻ. Người phớt lờ việc thực hiện nghiêm túc “chủ trương mang mũ rơm/nùn rơm”. Lũ trẻ con chúng tôi khi đi học lúc thì mang, lúc không mang. Các học sinh lớp cha tôi dạy cũng thế. Sự việc như vậy diễn ra khoảng nửa tháng, thì chi bộ nhà trường mời cha tôi đến. Bà bí thư chi bộ Đảng, người Hà Tĩnh, dạy môn chính trị - triết học Mác-Lênin, chủ trì. Cha tôi được bà chỉ ngồi vào một góc bàn, tất cả các giáo viên của trường và các bí thư chi đoàn ngồi bao quanh. Bà mở đầu:

- Hôm nay chi bộ chúng ta kết hợp với Liên chi đoàn toàn trường có cuộc họp bất thường. Nội dung là kiểm điểm ông Trần Hưng, giáo viên dạy vật I. và hoá học. Thời gian qua, ông Hưng bước đầu đã tiến bộ, gương mẫu là đưa cả gia đình đi sơ tán theo trường, như vậy là chấp hành nghiêm túc chủ trương triệt để sơ tán, chống Mỹ cứu nước của Đảng và chính phủ. Song gần đây với chủ trương mọi người phải đội mũ rơm, đeo nùn rơm đi học, khi ra khỏi nhà thì ông Hưng đã không gương mẫu thực hiện, cả gia đình ông thường không đội mũ rơm, đeo nùn rơm, ông chủ quan dựa vào kiến thức để bài bác tính chống đạn, phòng hộ của các vật này... việc làm này có ảnh hưởng rất xấu tới các con ông và các em học sinh ở các lớp ông dạy. Đó là nghi ngờ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, dẫn đến làm ngơ không thực hiện. Sau đây tôi xin đề nghị đồng chí hiệu trưởng phát biểu về vấn đề này.

Ông hiệu trưởng đứng lên nói:

- Tôi cũng đã nhắc nhở ông Hưng về việc thực hiện nghiêm túc việc đội mũ rơm, đeo nùn rơm, không chỉ bản thân ông mà ông còn phải có trách nhiệm nhắc nhở các con ông thực hiện việc này nữa. Ông đã lý sự bằng các công thức, định luật vật lý để nói rằng việc đội mũ, đeo nùn là vô ích, là tốn tiền, mất công mang vác .v.v... Tôi đã đề nghị ông làm kiểm điểm nhưng ông cũng ậm ừ rồi phớt lờ. Đây là tờ giấy ông ghi các công thức và định luật vật lý phản biện việc đội mũ rơm. Các đồng chí xem, có ai phản đối không? Xin cứ cho ý kiến, đặc biệt là các đồng chí ở tổ tự nhiên Toán - Lý - Hoá. Hôm nay, chúng ta phải kiểm điểm thật nghiêm khắc việc này. Nếu ông Hưng không thành khẩn nhận khuyết điểm và xin lỗi, hứa sẽ sửa chữa và thực hiện nghiêm túc chủ trương đội mũ rơm, đeo nùn rơm và túi cứu thương th. tôi sẽ đề nghị lên cấp trên kỷ luật thích đáng.

Ông nói hăng quá sùi cả bọt mép. Mọi người xem xét tờ giấy bố tôi viết các công thức và lý lẽ “phản biện” một cách im lặng. Bà bí thư chi bộ chủ trì cuộc họp lại đứng lên nói:

- Bây giờ tôi đề nghị ông Hưng phát biểu ý kiến trên tinh thần nghiêm khắc tự kiểm điểm bản thân, thú nhận sai lầm chủ quan của mình và hứa sẽ sửa chữa...

Cha tôi mặt đỏ bừng, chắc Người phải nén sự bức tức một cách ghê gớm lắm. Người đứng lên nhìn quanh cử tọa một lát. Một số người quay mặt đi, một số cúi gằm đầu. Sau cùng cha tôi nói:

- Thừa các vị lãnh đạo, thưa các quý vị có mặt tại đây. Quả thực tôi không ngờ có cuộc họp hôm nay để phê bình tôi về việc chệnh mảng và làm gương xấu cho phong trào đội mũ rơm, đeo nùn rơm. Tôi vẫn nghĩ rằng vì đây là chủ trương từ trên Trung ương nên chúng ta phải theo, chứ nếu chỉ một vài cá nhân ở đây nghĩ ra thì chưa chắc mọi người đã thực hiện. Về lý luận thì tôi vẫn bảo vệ các lý lẽ khoa học mà tôi đã trình bày ở tờ giấy kia. Còn về thực tế thì thử hỏi có vị nào dám đội cái mũ rơm này để tôi lên cao khoảng 20m, ném một miếng gang vào đầu xem có an toàn hay không? Tôi đã dạy học vật lý - hoá - toán suốt hai mươi năm qua, trong đó có 9 năm ở Pháp, 10 năm ở Đại học Tổng hợp Hà Nội... Tôi khẳng định điều mình tin và nói ra. Tôi đã trải qua thời gian thế chiến II tại Pháp, hồi đó bom đạn rất ác liệt... Người ta phát mũ sắt cho dân, đội để chống mảnh đạn, không có ai đội mũ rơm và đeo nùn rơm hết. Chúng ta hiện còn rất nghèo, mọi nhu yếu của đời sống phải phân phối, vậy ta không nên tốn phí vào một việc vô ích như vậy. Lấy ví dụ gia đình tôi đây, tháng qua chi cho mũ và nùn rơm hết gần hết 1/3 tháng lương của tôi rồi. Chắc các vị ngồi đây cũng vậy thôi. Thú thực, lần đầu tiên trong đời, tôi thấy nhục nhã như hôm nay, đây là một cuộc sỉ nhục, tố đầu tôi một cách rất vô lý và bất công. Hơn nữa, chúng ta đây lại là các thầy cô giáo, có một số đại diện của học sinh cũng ngồi ở đây. Nếu chúng ta tin vào những giáo điều vô lý, phản khoa học này thì liệu sau này các em có thể trở thành những trí thức được hay không?

Bà bí thư đập tay xuống bàn cái rầm.

- Im ngay, đồ phản động...

Bà quay sang cô thư ký ngồi cạnh bà, một cô giáo dạy văn trẻ, là đảng viên:

- Ghi ngay những điều hắn nói vào, tôi cấm ông, không được nói, càng nói càng lòi cái bản chất tư bản đế quốc xấu xa của hắn ra.

Có một số người đứng dậy xin phép ra ngoài một lát. Bà bí thư hỏi:

- Các anh đi đâu?
- Chúng tôi đi tiểu, có lẽ giải lao tí đi...

Cha tôi ngồi lại một mình, lúc này Người đã bình tĩnh lại, nét mặt bình thản. Người bỏ kính ra lau. Có mấy nữ học sinh lại gần Người.

- Thầy có uống nước không, em mời thầy một cốc trà nhé?
- Vâng! Cảm ơn em.

Cô bé tới cầm ấm tích lớn ở cạnh bà bí thư rót ít nước tráng cái ca sắt to, đổ đi, rồi rót đầy một ca nước trà, tới đưa cho cha tôi. Bà bí thư nhìn theo cô bằng con mắt nãy lửa. Lúc này ông hiệu trưởng đến ngồi cạnh bà, họ rì rầm trao đổi. Đột nhiên bà cao giọng:

- Lão này ăn thua gì, hỏi tôi làm thư ký cho Đội cải cách, nhiều tên địa chủ, cường hào còn ngoan cố bằng mấy ấy chứ, thế mà sau rồi nhưn nhưn như chi chi...
- Nhưng đây không phải là cải cách ruộng đất, bà đừng làm căng quá, nhất là đừng có mạt sát lão ấy, có gì để tôi viết báo cáo gửi lên sau.

Lúc này cuộc họp lại tiếp tục. Bà bí thư lại nói, giọng có dịu đi.

- Vừa rồi chúng ta đã nghe ông Hưng phát biểu. Theo ý tôi, ông vẫn rất ngoan cố, lại còn viện dẫn Pháp phung gì gì... Thật là sai lầm không thể tha thứ, vì cuộc chiến của chúng ta là cuộc chiến giữa bọn tư bản, đế quốc với nhau, là phi nghĩa, là tàn bạo. Còn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta đây là chính nghĩa. Tất thắng sẽ thuộc về chúng ta, về phe xã hội chủ nghĩa ... ghi đi, sao cứ ngồi ì ra mà nghe thôi à - Bà hát hàm cho cô thư ký... Cô vội vã ghi lời bà. Bà chú ý nhìn cô viết, thỉnh thoảng sửa cho cô vài câu.
- Bây giờ mời các đồng chí phát biểu, góp ý cho ông Hưng. Cứ thẳng thắn phê nhé, ví Các Mác có nói: Vũ khí phê bình không thể thay thế sự phê bình bằng vũ khí!" Có nói thẳng, phê bình mạnh thì đối tượng mắc sai phạm mới tỉnh ra, sửa chữa và tiến bộ được như Bác Hồ nói: "Phê và tự phê là sinh hoạt thường xuyên, liên tục của Đảng ta." Mời các đồng chí, nào, xin mời... cứ phát hăng đi!

Mọi người nhìn nhau vẻ lúng túng, dò hỏi, chắc từ bé tới giờ mới gặp phải trường hợp "đấu tố" như thế này. Một lát sau, một thầy giáo trẻ đang trong giai đoạn "cảm tình Đảng, chuẩn bị kết nạp" đứng lên phát biểu:

- Trước đây tôi là học sinh thầy Hưng, hỏi tôi còn học Đại học Tổng hợp. Thầy dạy giỏi, rất tận tâm với công tác giảng dạy và hướng dẫn thí nghiệm. Tất cả các khoá sinh viên chúng tôi đều yêu mến thầy... Song, theo tôi nghĩ, nếu có gì phật ý, xin thầy bỏ qua cho em (anh ta ngoảnh sang cha tôi nói)... Có thể vì tình hình đất nước biến đổi nhanh quá, thầy chưa thích ứng kịp. Tôi nghĩ các đồng chí cũng phải thông cảm yêu thương nhau, hàng tháng ai cũng phải hai lần chiều thứ bảy đạp xe mười cây số ra ga Sen Hồ. Sau đó đi tàu hoả về Hà Nội. Sáng chủ nhật xếp hàng mua gạo, thực phẩm... để rồi buổi trưa lại hấp tấp ra tàu đi Sen Hồ, đạp xe đeo mấy chục cân từ đó về đây. Thầy Hưng đã ngoài năm mươi lại có ba con nhỏ, vợ thầy yếu nên chẳng đỡ đần thầy được gì. Thầy trò lớp tôi xin làm tặng gia đình thầy các mũ rơm, nùn rơm ấy. Tôi xin các đồng chí cũng đừng làm căng thẳng, tôi thấy không được hay lắm, đây là loại "mâu thuẫn nội bộ trong quần chúng", chị Quế ạ. (anh ta quay sang bà bí thư).

Năm bảy phút sau cũng không có ai phát biểu. Bà bí thư cứ nhìn người nọ người kia hát hàm thì mọi người ngoảnh đi chỗ khác, rồi bà nói:

- Đại diện của liên chi đoàn học sinh phát biểu đi chứ?

Bà chỉ vào một cậu học sinh cao lớn chững chạc, là liên chi đoàn trưởng của nhà trường. Vẫn ngồi nguyên, cậu lúng túng nói:

- Em, em không biết... Theo em, thì em cũng ủng hộ ý kiến thầy Hưng. Nếu các thầy cô cho phép, lớp em xin tình nguyện làm thêm tặng gia đình thầy Hưng đủ mũ rơm và nùn rơm để dùng. Thôi chịu khó mang đi thầy ạ...

Bà bí thư nói:

- Bây giờ ta biểu quyết hình thức kỷ luật ông Hưng. Có ba hình thức: phê bình trong nội bộ, phê bình trước toàn trường và cảnh cáo trước toàn trường. Hình thức thứ nhất thì không ra quyết định chính thức, còn hai hình thức sau thì có văn bản quyết định chính thức. Các đồng chí đề xuất hình thức nào?

Hầu hết nói:



- Hình thức thứ nhất là phê bình trong nội bộ thôi.

Và họ giờ tay. Cô thư ký giờ tay sau cùng. Chỉ có bà bí thư, ông hiệu trưởng và một người nữa là không giờ tay. Ông hiệu trưởng nói:

- Thôi, thiếu số phục tùng đa số. Như vậy tôi đề nghị hình thức phê bình thầy Hưng trong nội bộ. Đề nghị thư ký đọc lại biên bản rồi tôi, chị Quế và thầy Hưng ký vào đây.